

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **103/2023/HS-ST**
Ngày: 08/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2023/TLST- HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ K, sinh ngày 16/11/2001 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: khu phố 1, phường 1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: ấp TT, xã TH, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T, sinh năm 1979 và bà H, sinh năm 1982; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; tiền án: Ngày 28/01/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 07/02/2023; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/7/2023 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K: ông T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Người bào chữa cho bị cáo K: bà V – Luật sư Công ty Luật O thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ: số 174, tổ 6, ấp BT, xã BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2/ P, sinh ngày 09/01/2001 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: khu phố P1, phường P1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1965 và bà R, sinh năm 1967; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày

28/01/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong ngày 20/01/2023; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/7/2023 (có mặt).

3/ V, sinh ngày 09/9/1999 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp AL, xã ĐH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: ấp ML, xã PL, huyện TP, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không xác định, con bà A, sinh năm 1976; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 18/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” chấp hành xong ngày 18/12/2022; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023, chuyển tạm giam từ ngày 06/7/2023 (có mặt).

Bị hại:

G, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp MT, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

N, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 684B, ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

K, sinh năm 2001, nơi thường trú: khu phố K1, phường K2, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện nay ấp TT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang và P, sinh năm 2001, nơi thường trú: khu phố P1, phường P2, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; V, sinh năm 1999, cư trú: ấp AL, xã ĐH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, là bạn bè quen biết nhau khi chấp hành án chung tại trại giam MP.

Khoảng 20 giờ ngày 02/7/2023, K nhắn tin qua ứng dụng Messenger rủ P, đi tìm tài sản lấy trộm. P đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 03/7/2023, P mượn xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, loại EX KING, màu đen, biển số 63AN-097.05 của anh rể B, sinh năm 1987, cư trú: ấp B, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang điều khiển đến ấp TT, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang để rước K. Phú điều khiển xe chở K chạy qua nhiều tuyến đường trên địa bàn thị xã CL tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, cả hai chạy ngang nhà bà Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1968, cư trú ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy thì K nhìn thấy trong sân nhà có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78 do ông G, sinh năm 1969, cư trú: ấp MT, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang đứng tên sở hữu, lợi dụng xe không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa xe nên K nói P “trong nhà có xe kia”, P hiểu ý K muốn lấy trộm xe mô tô trên nên quay đầu xe lại nhà bà Sáu. P đậu xe cách hàng rào 05 mét để cảnh giới, K mở cửa hàng rào đi vào trong sân nhà dẫn xe mô tô biển số 63P1-469.78 ra ngoài khỏi động máy, điều khiển xe chạy đi. P cũng điều khiển xe gắn máy chạy về nhà. Khi

về đến nhà P nhận được điện thoại của K hẹn gặp nhau tại cầu Nhị Mỹ. Sau đó, P và K điều khiển xe vừa trộm được chạy đến một quán cà phê trên tuyến tránh thị xã Cai Lậy để tìm chỗ bán xe mô tô biển số 63P1-469.78.

Sau khi lấy được xe, P nhắn tin và gửi hình ảnh xe mô tô 63P1-469.78 qua ứng dụng Messenger cho V (Bi nhỏ), nhờ bán dùm, V đồng ý. V đăng ảnh lên nhóm Facebook “Chợ mua bán xe máy Tiền Giang” để bán xe thì có anh N (E), sinh năm 1978, nơi thường trú: ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre làm nghề mua bán xe cũ liên hệ với V để thỏa thuận mua xe với giá 7.000.000 đồng. V điện thoại cho P kêu mang xe đến nhà V để bán xe. P điều khiển xe gắn máy 63AN-097.05, K điều khiển xe mô tô biển số 63P1-469.78 đến nhà V. Trong lúc chờ anh N đến xem xe, P nói với V “xe này mới đã”, V nghe và biết là xe do P mới trộm. P cùng mở cốp xe mô tô biển số 63P1-469.78, P lấy 01 thẻ hình thần tài, màu vàng đưa V, do thấy không có giá trị nên V đã vứt bỏ xuống nền gạch. P hứa bán xe được sẽ cho V 1.000.000 đồng tiền cà phê. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, anh T đi cùng một người bạn là P, sinh năm 1987, cư trú: 110/112B3, phường AH, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đến nhà V để xem và đồng ý mua xe với giá 7.000.000 đồng. P nhận tiền và đem vào phòng ngủ đưa cho V 1.000.000 đồng và đưa cho K 3.000.000 đồng rồi P cùng K đi về. Đến ngày 04/7/2023, Cơ quan điều tra phát hiện, bắt khẩn cấp K, P về hành vi trộm cắp tài sản, V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bản kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận: 01 xe mô tô biển số 63P1-469.78; 01 thẻ hình thần tài, màu vàng không xác định chủng loại, trọng lượng được thỉnh trên chùa. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 29.600.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 312/2023/KLGD ngày 15/8/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần Khu vực Tây Nam Bộ kết luận K như sau:

+ Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội (ngày 03/7/2023) và hiện tại: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng các chất kích thích (F 15.71 - ICD10).

+ Về năng lực: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (ngày 03/7/2023) và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy, K, P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp và V đã khai nhận toàn bộ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã tạm giữ:

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, loại EX KING, màu đen, biển số 63AN-097.05;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78;

- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng của Vũ được Phú cho nhưng chưa sử dụng;

- Tiền Việt Nam 2.560.000 đồng của Khương được Phú chia sau khi bán xe;

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, không gắn thẻ sim (thu giữ của Phú);

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, bên trong gắn một thẻ sim nhà mạng Vietnammobile (thu giữ của Khương);

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong gắn một thẻ sim số 0862607965 (thu giữ của Vũ);

- 01 Áo khoác dài tay màu đen;

- 01 Mũ bảo hiểm màu xám, bên trong nón có chữ ASIAN màu đỏ;

- 01 Đôi dép quai ngang, màu đen;

- 01 Quần Jean dài, màu xanh, thắt lưng có tem vải màu trắng, có dòng chữ EMPIRA;

- 01 Áo khoác dài tay, màu xám, cổ áo có tem vải có dòng chữ Abererombie & Fitch;

- 01 Mũ bảo hiểm màu xanh, phía sau có dòng chữ NON SON;

- 01 Đôi dép kẹp màu xanh, quai dép có dòng chữ Monobo;

-01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 63005051, mang tên Thái Văn Phong;

- 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe gắn máy số AA/0337048, mang tên Thái Văn Phong;

- 01 Sách hướng dẫn sử dụng xe Future Fi;

- 01 Giấy bảo hành xe mô tô mang tên Thái Văn Phong;

- 01 Thẻ khách hàng thân thiết mang tên Thái Văn Phong.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 63005051, mang tên P; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe gắn máy số AA/0337048, mang tên P; 01 Sách hướng dẫn sử dụng xe Future Fi; 01 Giấy bảo hành xe mô tô mang tên P; 01 Thẻ khách hàng thân thiết mang tên P trao trả cho anh Thái Văn Phong. Đối với xe gắn máy nhãn hiệu ESPERO, loại EX KING, màu đen, biển số 63AN-097.05 qua xác minh do bà C, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp B, xã HT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang đứng tên sở hữu, đây là vật chứng có liên quan trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 31/5/2023 tại ấp TL, xã TT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh P đã nhận lại xe và các tài sản khác, đối với thẻ hình thần tài bị mất không tìm được anh Phong không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với ông N yêu cầu K, P, V bồi thường 7.000.000 đồng. Ngày 12/9/2023, ông L là cha của bị cáo P đã bồi thường cho ông T số tiền 3.000.000 đồng, ông T đã nhận tiền và không yêu cầu bị cáo P bồi thường thêm. Đối với bị cáo V, K thì ông T tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKSTXCL ngày 18/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố K, P về tội “Trộm cắp tài sản” theo

khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Và bị cáo V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo K, P và bị cáo V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không khiếu nại các quyết định cũng như hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thị xã Cai Lậy, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo K, P và V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo K, P và V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm q, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo K từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo P từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N yêu cầu bị cáo K, V có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo P đồng ý bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho anh N, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 63005051, mang tên Thái Văn Phong; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe gắn máy số AA/0337048, mang tên G; 01 Sách hướng dẫn sử dụng xe Future Fi; 01 Giấy bảo hành xe mô tô mang tên G; 01 Thẻ khách hàng thân thiết mang tên G trao trả cho anh G, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng và 2.560.000 đồng đây là tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, không gắn thẻ sim (thu giữ của P); 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, bên trong gắn một thẻ sim nhà mạng Vietnammobile; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong gắn một thẻ sim số 0862607965 (thu giữ của V) là phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 Áo khoác dài tay màu đen; 01 Mũ bảo hiểm màu xám, bên trong nón có chữ ASIAN màu đỏ; 01 Đôi dép quai ngang, màu đen; 01 Quần Jean dài, màu xanh, thắt lưng có tem vải màu trắng, có dòng chữ EMPIRA; 01 Áo khoác dài tay, màu xám, cổ áo có tem vải có dòng chữ Abererombie & Fitch; 01 Mũ bảo hiểm màu xanh, phía sau có dòng chữ NON SON; 01 Đôi dép kẹp màu xanh, quai dép có dòng chữ Monobo là tài sản của các bị cáo nhưng hiện các tài sản trên không còn giá trị sử dụng và các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy;

Về án phí: Bị cáo K, P, V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo K có ý kiến cho rằng: Thống nhất về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức hình phạt cho bị cáo mà phía đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Phía người bào chữa không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo sẽ sửa sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về việc vắng mặt ông T là người đại diện theo pháp luật cho bị cáo K vắng mặt; bị hại G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của ông T, ông P, anh N. Tại phiên tòa, bị cáo K và người bào chữa cho bị cáo K là bà A cũng đồng ý xét xử vắng mặt ông T. Việc vắng mặt của ông T, ông P, anh N không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo K, P, V. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía ông T, ông P, anh N.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo K, P, V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: vào khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 03/7/2023 tại ấp TH, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang bị cáo K và P có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78 của ông G, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 29.600.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 63P1-469.78 do phạm tội mà có, nhưng V tìm người tiêu thụ tài sản trên nên đã cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Lời trình bày của bị cáo K, bị cáo P và bị cáo V tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cho nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để

kết luận bị cáo K, P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo K, P và V đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, lợi dụng sự việc chủ sở hữu tài sản không quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm nên cần xử phạt bị cáo K, P và V với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Bị cáo K, P và V khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công trước, không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Cụ thể, vai trò của từng bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo K là người rủ rê trong việc thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cho nên, cần xử phạt bị cáo K với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5.2] Đối với bị cáo P là người giúp sức. Cho nên, cần xử phạt bị cáo P với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5.3] Đối với bị cáo V là người tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cho nên, cần xử phạt bị cáo V với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K, bị cáo P và bị cáo V có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo P khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả do đó bị cáo P được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo K, P, V có nhân thân xấu. Bị cáo K, P, V có 01 tiền án, không có tiền sự.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo P và bị cáo V, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo K, bị cáo P

có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo V có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo P, K và V có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhân thân xấu. Bị cáo K có vai trò là người rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo P là người giúp sức, bị cáo V là người tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[10] Đối với ông N mua xe mô tô biển số 63P1-469.78 từ V nhưng không biết V tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên hành vi của ông N không có dấu hiệu tội phạm.

[11] Đối với anh B có hành vi cho P mượn xe mô tô biển số 63AN-097.05 nhưng anh B không biết P sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên không có dấu hiệu tội phạm. Đối với hành vi mua xe mô tô biển số 63AN-097.05 của anh B có liên quan đến việc mất trộm xe tại địa bàn huyện Tân Phước, cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã phối hợp với Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước để giải quyết theo thẩm quyền.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N yêu cầu bị cáo K, V có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo K đồng ý bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo V đồng ý bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo K bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo V bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho ông N.

[13] Về xử lý vật chứng:

[13.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, màu đỏ, biển số 63P1-469.78; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 63005051, mang tên G; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe gắn máy số AA/0337048, mang tên G; 01 Sách hướng dẫn sử dụng xe Future Fi; 01 Giấy bảo hành xe mô tô mang tên G; 01 Thẻ khách hàng thân thiết mang tên G trao trả cho anh G, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[13.2] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 3.560.000 đồng, 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, không gắn thẻ sim; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, bên trong gắn một thẻ sim nhà mạng Vietnammobile; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong gắn một thẻ sim số 0862607965 do đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội và là phương tiện phạm tội.

[13.3] Tịch thu tiêu hủy: 01 Áo khoác dài tay màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám, bên trong nón có chữ ASIAN màu đỏ; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 Quần Jean dài, màu xanh, thắt lưng có tem vải màu trắng có dòng chữ EMPIRA; 01 Áo khoác, dài tay, màu xám, cổ áo có tem vải có dòng chữ Abererombie &

Fitch; 01 Mũ bảo hiểm màu xanh, phía sau có dòng chữ NON SON; 01 Đôi dép kẹp màu xanh, quai dép có dòng chữ Monobo là tài sản không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo K và P bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo V bị kết án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên buộc bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo K, bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

[16] Xét ý kiến và đề nghị của phía người bào chữa cho bị cáo K là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận lời đề nghị của phía người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo K và bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm q, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17, điểm b, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; Điều 17, điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo V 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự và hướng dẫn của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo K bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) và bị cáo V bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N số tiền 1.000.000 đ (Một triệu đồng).

Buộc bị cáo K nộp thêm số tiền 440.000 đ (Bốn trăm bốn mươi ngàn đồng, bị cáo P nộp lại số tiền 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 3.560.000 đồng, 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, không gắn thẻ sim; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, bên trong gắn một thẻ sim nhà mạng Vietnamobile; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng, bên trong gắn một thẻ sim số 0862607965.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Áo khoác dài tay màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám, bên trong nón có chữ ASIAN màu đỏ; 01 đôi dép quai ngang, màu đen; 01 Quần Jean dài, màu xanh, thắt lưng có tem vải màu trắng có dòng chữ EMPIRA; 01 Áo khoác, dài tay, màu xám, cổ áo có tem vải có dòng chữ Abererombie & Fitch; 01 Mũ bảo hiểm màu xanh, phía sau có dòng chữ NON SON; 01 Đôi dép kẹp màu xanh, quai dép có dòng chữ Monobo.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo K, bị cáo P và bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo K và bị cáo V mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo K, P và V được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan N; ông T là đại diện theo pháp luật cho bị cáo K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Lê Thị Kim Thoa